

Bản án số: 04/2024/HS-ST

Ngày 05-02-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Chung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nông Văn Thắng

Ông Vi Văn Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Ma Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nông Đức T, tên gọi khác: không có, sinh ngày 12 tháng 3 năm 1991, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Khu \*, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh cá nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Thanh H, sinh năm 1965 và bà Lý Thị N, sinh năm 1968; Vợ: Phạm Thu H, sinh năm 1991; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/10/2023 đến nay, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Long Thị L, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu \*, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

2. Chị Đặng Thùy D, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu \*, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

3. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P, xã Đ1, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

4. Anh Phùng Huy H, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu \*, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- Những người làm chứng:

1. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1991, vắng mặt.
2. Anh Hà Văn K, sinh năm 2000, vắng mặt.
3. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1977, vắng mặt.
4. Chị Vi Thị D, sinh năm 1982, vắng mặt.
5. Anh Đặng Quang P, sinh năm 1988, vắng mặt.
6. Anh Mai Văn S, sinh năm 1993, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2023, Nông Đức T đã có hành vi cho 03 người vay theo hình thức lãi ngày từ 4.000 đồng – 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 146% - 182,5 %/ năm, thỏa thuận 01 tháng (tính là 30 ngày) trả lãi 01 lần, cụ thể như sau:

1. Tháng 04/2022, Nông Đức T cho Long Thị L vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 146%/năm, tương ứng số tiền 2.400.000 đồng/1 tháng, thỏa thuận 01 tháng trả lãi một lần. Tính đến tháng 8/2023, Long Thị Liên đã trả cho Nông Đức T 17 tháng (510 ngày) tiền lãi với số tiền là 40.800.000 đồng. Hiện Long Thị L vẫn nợ tiền vay gốc. Tiền lãi hợp pháp mà Nông Đức T được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 510 \text{ ngày} \times 20.000.000 \text{ đồng} = 5.589.090 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là  $40.800.000 \text{ đồng} - 5.589.090 \text{ đồng} = 35.210.910 \text{ đồng}$ .

2. Ngày 24/4/2023, Nông Đức T cho Đặng Thùy D vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm, tương ứng số tiền 2.250.000 đồng/1 tháng, thỏa thuận 01 tháng trả lãi một lần. Sau đó Nông Đức T giao cho Phùng Huy H giúp thu tiền lãi, tính đến thời điểm bị phát hiện ngày 16/10/2023, Đặng Thùy D đã trả lãi 176 ngày với số tiền 11.250.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Tiền lãi hợp pháp mà Nông Đức T được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 176 \text{ ngày} \times 15.000.000 \text{ đồng} = 1.446.588 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là  $11.250.000 \text{ đồng} - 1.446.588 \text{ đồng} = 9.803.412 \text{ đồng}$ .

3. Tháng 3/2022, Nông Đức T cho Đặng Thị N vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm, tương ứng số tiền 3.000.000 đồng/1 tháng, thỏa thuận 01 tháng trả lãi một lần. Tính đến tháng 12/2022, N đã trả được cho Nông Đức T 09 tháng (270 ngày) tiền lãi với số tiền là 27.000.000 đồng, chưa thanh toán số tiền vay gốc. Tiền lãi hợp pháp mà Nông Đức T được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times$

$270 \text{ ngày} \times 20.000.000 \text{ đồng} = 2.958.930 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là  $27.000.000 \text{ đồng} - 2.958.930 \text{ đồng} = 24.041.070 \text{ đồng}$ .

Sau đó từ tháng 01/2023, Nông Đức T đồng ý cho Đặng Thị N trả lãi số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, tương ứng 91,25%/năm. Đến tháng 7/2023, Đặng Thị N đã trả cho Nông Đức T 07 tháng tiền lãi, tương đương 210 ngày, tương ứng số tiền lãi là 10.500.000 đồng; Đặng Thị N đã trả số tiền gốc là 15.000.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền Nông Đức T đã thu lợi bất chính khi cho 03 người nêu trên vay là  $(35.210.910 + 9.803.412 + 24.041.070) = 69.055.392 \text{ đồng}$ .

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Long Thị L khai: Tháng 04/2022, vay với Nông Đức T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 146%/năm, tương ứng số tiền 2.400.000 đồng/1 tháng, thỏa thuận 01 tháng trả lãi một lần. Tính đến tháng 8/2023, Long Thị L đã trả cho Nông Đức T 17 tháng (510 ngày) tiền lãi với số tiền là 40.800.000 đồng. Hiện Long Thị L vẫn nợ tiền vay gốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Đặng Thùy D khai: Ngày 24/4/2023, vay Nông Đức T số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm, tương ứng số tiền 2.250.000 đồng/1 tháng, thỏa thuận 01 tháng trả lãi một lần. Sau đó có Phùng Huy H giúp thu tiền lãi, tính đến thời điểm bị phát hiện ngày 16/10/2023, Đặng Thùy D đã trả lãi 176 ngày với số tiền 11.250.000 đồng, chưa trả tiền gốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Đặng Thị N khai: Tháng 3/2022, vay Nông Đức T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm, tương ứng số tiền 3.000.000 đồng/1 tháng, thỏa thuận 01 tháng trả lãi một lần. Tính đến tháng 12/2022, Đặng Thị N đã trả được cho Nông Đức T 09 tháng (270 ngày) tiền lãi với số tiền là 27.000.000 đồng, đã trả 15.000.000 đồng tiền vay gốc còn lại 5.000.000 đồng chưa trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phùng Huy H khai được Nông Đức T nhờ đòi tiền lãi hộ và đã được một lần đòi tiền lãi đối với người vay Đặng Thùy D. Ngoài ra có thu giữ 02 giấy vay nợ tại nhà Phùng Huy H nhưng khi viết giấy vay nợ xong người vay là Trần Thị H và Đặng Thùy D không đến vay tiền.

Người làm chứng Hoàng Văn C khai vay bị cáo Nông Đức T số tiền 5.000.000 đồng tính lãi 2.000/1triệu/ 1ngày, đã trả đủ tiền lãi và tiền vay gốc.

Người làm chứng Hà Văn K khai vay bị cáo Nông Đức T số tiền 7.000.000 đồng tính lãi 2.000/1triệu/ 1ngày, đã trả đủ tiền lãi và tiền vay gốc.

Người làm chứng Bùi Thị H khai vay bị cáo Nông Đức T số tiền 10.000.000 đồng tính lãi 2.000/1triệu/ 1ngày, đã trả đủ tiền lãi và tiền vay gốc.

Người làm chứng Vi Thị D khai vay bị cáo Nông Đức T số tiền 20.000.000 đồng tính lãi 2.000/1triệu/ 1ngày, đã trả đủ tiền lãi còn tiền vay gốc chưa trả.

Người làm chứng Đặng Quang P khai vay bị cáo Nông Đức T số tiền 10.000.000 đồng tính lãi 2.000/1triệu/ 1ngày, đã trả đủ tiền lãi và tiền vay gốc.

Người làm chứng Mai Văn S khai bị cáo Nông Đức T vay số tiền 5.000.000 đồng tính lãi 2.000/1triệu/ 1ngày, đã trả đủ tiền lãi và tiền vay gốc.

Bị cáo Nông Đức T thừa nhận có cho những người trên vay tính lãi 2.000/1triệu/ 1ngày.

Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSLS-P1 ngày 05/01/2024 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nông Đức T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Đức T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố. Bị cáo Nông Đức T thừa nhận số tiền thu lợi bất chính là 69.055.392 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Đức T phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35, Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 120.000.000 đến 130.000.000 đồng, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu số tiền gốc bị cáo Nông Đức T cho vay 55.000.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội, trong đó: Buộc bị cáo Nông Đức T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Long Thị L phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Đặng Thùy D phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Đặng Thị N phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nông Đức T phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau: Trả lại cho chị Long Thị L 35.210.910 đồng; chị Đặng Thùy D 9.803.412 đồng và bà Đặng Thị N 24.041.070 đồng.

Truy thu của bị cáo Nông Đức T tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay với số tiền là 9.994.608 đồng.

Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, số IMEI: 355597824173377, IMEI2: 355597824214015, đã qua sử dụng của Nông Đức T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11Pro,

IMEI1: 868524063558464/78, IMEI2; 868524063558472/78, đã qua sử dụng của Phùng Huy H.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Phùng Huy H giúp sức thu tiền lãi cho Nông Đức T nhưng số tiền thu lợi bất chính không đủ cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đề nghị không xem xét xử lý.

Đối với việc Nông Đức T cho Hoàng Văn C; Hà Văn K; Bùi Thị H; Vi Thị D; Đặng Quang P; Mai Văn S vay số tiền tính lãi 2.000/1triệu/ 1ngày không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng nhưng đã được triệu tập hợp lệ 02 lần vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2023, Nông Đức T đã cho 03 người trên địa bàn huyện L, tỉnh Lạng Sơn vay tiền dưới hình thức lãi ngày với tổng số tiền vay là 55.000.000 đồng, lãi suất 146% - 182,5 %/ năm, thu lợi bất chính số tiền 69.055.392 đồng. Khi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm trục lợi cho bản thân. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nông Đức T phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nông Đức T về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Nông Đức T là người bỏ tiền ra cho vay, thực hiện việc cho vay thu tiền lãi và nợ gốc ngoài ra còn thuê Phùng Huy H thu lãi hộ nhưng số tiền Phùng

Huy H thu lãi hộ Nông Đức T không đủ cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với Phùng Huy H do đó bị cáo Nông Đức T phải tự chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm trước pháp luật. Để có hình phạt thỏa đáng ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Đối với bị cáo Nông Đức T chưa bị pháp luật xử lý nên xác định có nhân thân tốt, lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo Nông Đức T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ông nội của bị cáo là Nông Văn T được tặng thưởng Huân, Huy chương nhưng không sinh sống cùng bị cáo, khi còn sống không trực tiếp là người trông nom, chăm sóc, giáo dục bị cáo, hiện nay đã chết bị cáo không phải là người trực tiếp thờ cúng nên không thuộc trường hợp áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính đối với bị cáo: Kết quả xác minh tài sản thu nhập thể hiện bị cáo không đứng tên tài sản bất động sản, nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo có năng lực tài chính đảm bảo cho thi hành án phạt tiền, cụ thể ngoài việc cho 03 người vay cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự bị cáo còn cho 06 người khác vay với tổng số tiền nợ gốc là 57.000.000 đồng, tính lãi 2.000 đồng/1 triệu/1ngày; Tại bản lý lịch của bị cáo xác định nghề nghiệp của bị cáo là “Lao động tự do” nhưng Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đình Lập cung cấp thông tin xác định Nông Đức T có đăng ký hộ kinh doanh lần đầu vào ngày 08/10/2019 với vốn kinh doanh 200.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh nhiều lĩnh vực, như vậy xác định bị cáo có nghề nghiệp là kinh doanh cá nhân, tại phiên tòa bị cáo khai nhận thu nhập từ hoạt động kinh doanh mỗi tháng bình quân từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có căn cứ áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nghiêm khắc để đảm bảo răn đe phòng ngừa đối với loại tội phạm này và có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ

30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không giữ chức vụ, không kinh doanh ngành nghề cho vay nên không có căn cứ áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định; riêng phạt tiền bổ sung do đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cần tịch thu số tiền gốc bị cáo Nông Đức T cho vay 55.000.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội, trong đó: Buộc bị cáo Nông Đức T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Long Thị L phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thùy D phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị N phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Truy thu của bị cáo Nông Đức T tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay với số tiền là 9.994.608 đồng. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, số IMEI: 355597824173377, IMEI2: 355597824214015, đã qua sử dụng của Nông Đức T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11Pro, IMEI1: 868524063558464/78, IMEI2; 868524063558472/78, đã qua sử dụng của Phùng Huy H. Buộc bị cáo Nông Đức T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau: Trả lại cho chị Long Thị L 35.210.910 đồng; trả cho chị Đặng Thùy D 9.803.412 đồng; trả cho bà Đặng Thị N 24.041.070 đồng.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập về tội danh, loại hình phạt, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận, riêng đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo với tình tiết ông nội bị cáo có được tặng thưởng Huân, Huy chương, Hội đồng xét xử không áp dụng với lý do như đã phân tích tại đoạn [5].

[10] Về án phí: Bị cáo Nông Đức T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[11] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 50 khoản 2 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Đức T.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Đức T phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Đức T số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu số tiền gốc bị cáo Nông Đức T cho vay 55.000.000 (năm mươi năm triệu đồng), trong đó:

- Buộc bị cáo Nông Đức T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 (mười năm triệu đồng).

- Buộc chị Long Thị L phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng);

- Buộc chị Đặng Thùy D phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 (mười năm triệu đồng);

- Buộc bà Đặng Thị N phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 (năm triệu đồng).

3.2. Truy thu của bị cáo Nông Đức T tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay với số tiền là 9.994.608 (chín triệu chín trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm linh tám đồng).

3.3. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, số IMEI: 355597824173377, IMEI2: 355597824214015, đã qua sử dụng của Nông Đức T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11Pro, IMEI1: 868524063558464/78, IMEI2; 868524063558472/78, đã qua sử dụng của Phùng Huy H.

*(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2023).*

3.4. Buộc bị cáo Nông Đức T phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau:

- Buộc bị cáo Nông Đức T phải trả lại cho chị Long Thị L số tiền 35.210.910 (ba mươi năm triệu hai trăm mười nghìn chín trăm mười đồng);

- Buộc bị cáo Nông Đức T phải trả lại cho chị Đặng Thùy D số tiền 9.803.412 (chín triệu tám trăm linh ba nghìn bốn trăm mười hai đồng);



- Buộc bị cáo Nông Đức T phải trả lại cho bà Đặng Thị N số tiền 24.041.070 (hai mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí: Buộc bị cáo Nông Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 (hai trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

6. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Chung**